TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **329**/2025/DS-ST
Ngày: 23-9-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Lan;

Bà Phạm Thị Nguyệt Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại Toà án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 474/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 734/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH MTV S.

Địa chỉ trụ sở: khu Thương mại Dịch vụ, đường T, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Tài chính TNHH MTV S uỷ quyền cho Công ty Luật TNHH D *(theo văn bản uỷ quyền số 52/2024/UQ-KK-SVFC ngày 12/12/2024).*

Đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Kim N - Chức vụ: Giám Đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Thanh H – Trưởng phòng Tố tụng – Thi hành án. *(Theo văn bản uỷ quyền số 04/2023/VNE-GUQ-GĐ ngày 20/9/2023).*

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Thanh H:

Ông Nguyễn Trần Thành T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 360 Đường V, Phường P, Thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy uỷ quyền số 32/2025/GUQ-VNE-PTT ngày 07/01/2025)

- Bị đơn: Bà Dương Thị Kim S, sinh năm 1986.

Địa chỉ: khu phố 11, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

(Ông T có mặt; bà S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày như sau:***

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S (sau đây gọi tắt là Công ty S) và bà Dương Thị Kim S có ký kết Hợp đồng tín dụng số 100241485 ngày 10/02/2020. Số tiền cho vay là 60,000,000 đồng, lãi suất vay 38%/năm, kỳ hạn vay P48 kỳ, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng theo lịch trả nợ, phương thức trả nợ gốc và lãi cùng được thanh toán trong nhiều kỳ hạn, mỗi tháng 01 lần vào ngày 01 hàng tháng, loại hình vay tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo), mục đích vay mua đồ đùng, trang thiết bị gia đình.

Cùng thời điểm ký kết hợp đồng, Công ty S đã tiến hành giải ngân số tiền vay bằng cách chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bên vay.

Từ tháng 03 năm 2020 đến tháng 04 năm 2021, bà S đã thanh toán cho Công ty S được 14 kỳ với tổng số tiền là 34,077,456 đồng. Kể từ tháng 04 năm 2021, bà S không thanh toán bất kỳ khoản tiến nào cho Công ty S để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ vủa bên vay theo điểm 6 khoản 72 Điều 7 của Bản Điều khoản cơ bản đính kèm Hợp đồng cho vay số 100241485: "*Thanh toán Khoản vay đúng hạn và phối hợp với Bên cho vay để xử lý nợ theo quy định tại Hợp đồng cho vay, Bản Điều khoản cơ bản và các thỏa thuận khác nếu có"*.

Như vậy, bà S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và lãi định kỳ theo lịch trả nợ, cụ thể như sau: Số kỳ đã thanh toán là 14 kỳ, từ kỳ thứ 01 tháng 03/2020 đến kỷ thứ 14 tháng 04/2021. Số kỳ qúa hạn chưa thanh toán là 34 kỳ, từ kỳ thứ 15 tháng 05/2021 đến kỳ thứ 48 tháng 02/2024.

Công ty S đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà S xử lý khoản vay quá hạn nhưng bà S vẫn không thực hiện đúng như đã cam kết thanh toán trong Hợp Đồng.

Do đó, căn cứ điểm a Khoản 8.1 Điều 8 của Bản điều khoản cơ bản quy định: "*Bên Vay không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán bất cứ khoản tiền nào đến hạn phải trả theo quy định tại hợp đồng cho vay",* bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán là một trong những Sự kiện vi phạm.

Phương pháp, cơ sở tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi được lần lượt quy định tại Khoản 1.4, Khoản 1.5 Điều 1 và Khoản 4.2, Khoản 4.3 Điều 4 Bản điều khoản cơ bản. Trong đó, tại điểm b Khoản 4.3 quy định mức lãi chậm trả lãi: *"Trường hợp Bên Vay không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm (a) khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức Lãi Suất 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả"*. Đồng thời, phương thức tính lãi quá hạn được nêu tại điểm c Khoản 4.3: *"Bất kể số dư nợ gốc của khoản thanh toán hàng tháng nào của Bên Vay mà Bên Cho Vay không nhận được đầy đủ và đúng hạn vào Ngày thanh toán của kỳ thanh toán được quy định tại Lịch Trả Nợ thì [...] Bên Vay phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả với mức Lãi Suất áp dụng bằng 150% Lãi Suất theo quy định tại Hợp Đồng"*. Theo đó, lãi suất quá hạn =150% x (38% là lãi suất theo Hợp đồng) là 57%/năm (thể hiện chi tiết tại Bảng kê chi tiết gốc, lãi đính kèm hồ sơ khởi kiện).

Căn cứ theo Khoản 8.2 Điều 8 Bản điều khoản cơ bản, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bà Dương Thị Kim S thanh toán cho Công ty toàn bộ số dư nợ bao gồm nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/9/2025 là: Nợ gốc 50,021,157 đồng, lãi trong kỳ 32,424,064 đồng, các khoản phát sinh do nợ quá hạn phải thanh toán tạm tính 90,216,619 đồng. Tổng nợ **172,663,383** đồng (một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm tám mươi ba đồng).

Yêu cầu bà S tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng trên dư nợ gốc từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Bị đơn bà Dương Thị Kim S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai tại Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S, buộc bị đơn bà Dương Thị Kim S thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng số 100241485 ngày 10/02/2020 tạm tính đến ngày 23/9/2025 là Nợ gốc 50,021,157 đồng, lãi trong kỳ 32,424,064 đồng, các khoản phát sinh do nợ quá hạn phải thanh toán tạm tính 90,216,619 đồng. Tổng nợ 172,663,383 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng 24/9/2025 cho

đến khi bà Dương Thị Kim S hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S.

Về án phí: Bà Dương Thị Kim S có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách đương sự: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị Kim S thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi tại hợp đồng tín dụng và Bản điều khoản cơ bản giữa hai bên. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S là nguyên đơn, bà Dương Thị Kim S là bị đơn trong vụ án. Căn cứ khoản 3, 14, 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 17/7/2025, công an phường T, tỉnh Đồng Nai cung cấp thông tin, bà Dương Thị Kim S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ khu phố 11, phương T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). Tuy nhiên, hiện nay bà S đã bỏ đi khỏi địa phương, không còn sinh sống tại địa chỉ trên. Tại hợp đồng tín dụng, bà S cung cấp đị chỉ của mình là tại khu phố 11, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Việc bà S thay đổi địa chỉ mà không báo cho nguyên đơn biết, được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6, Nghị quyết 01/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ theo điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn bà Dương Thị Kim S, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Dương Thị Kim S thanh toán cho Công ty tổng số nợ của Hợp đồng cho vay số 100241485 ngày 10/02/2020 tạm tính đến ngày 23/9/2025 là

172,663,383 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm tám mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 50,021,157 đồng, lãi trong kỳ 32,424,064 đồng, lãi qúa hạn, phạt chậm trả lãi là 90,216,619 đồng.

[2.1] Về yêu cầu nợ gốc: Xét Hợp đồng cho vay số 100241485 ngày 10/02/2020 và Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S với bà Dương Thị Kim S, nhận thấy: Ngày 10/02/2020, bà Dương Thị Kim S có vay của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S tổng số tiền 60,000,000 đồng, lãi suất vay 38%/năm, kỳ hạn vay P48 kỳ, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng theo lịch trả nợ, phương thức trả nợ gốc và lãi cùng được thanh toán trong nhiều kỳ hạn, mỗi tháng 01 lần vào ngày 01 hàng tháng, loại hình vay tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo), mục đích vay mua đồ đùng, trang thiết bị gia đình.

Kể từ ngày vay cho đến nay bà Dương Thị Kim S đã thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S tổng được 14 kỳ với tổng số tiền là 34,077,456 đồng. Kể từ tháng 04 năm 2021, bà S không thanh toán bất kỳ khoản tiến nào cho Công ty S để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ vủa bên vay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà S đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vắng mặt không có lý do, không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy xem như bà S đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tại điểm 6 khoản 72 Điều 7 của Bản điều khoản cơ bản đính kèm Hợp đồng cho vay số 100241485 hai bên thỏa thuận: "*Thanh toán Khoản vay đúng hạn và phối hợp với Bên cho vay để xử lý nợ theo quy định tại Hợp đồng cho vay, Bản Điều khoản cơ bản và các thỏa thuận khác nếu có"*.

Xét thấy, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Công ty theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và Bản điều khoản cơ bản giữa hai bên, do đó các khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Công ty đã yêu cầu bà S thanh toán nợ nhưng bà không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên và theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S buộc bị đơn bà Dương Thị Kim S phải thanh toán số nợ gốc còn lại là 50,021,157 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi:

Tại Hợp đồng cho vay số 100241485 ngày 10/02/2020 hai bên thỏa thuận lãi suất vay 38%/năm. Đồng thời tại điểm b Khoản 4.3 của Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay các bên thỏa thuận mức lãi chậm trả lãi: *"Trường hợp Bên Vay không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm (a) khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức Lãi Suất 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả"*. Phương thức tính lãi quá hạn được nêu

tại điểm c Khoản 4.3: *"Bất kể số dư nợ gốc của khoản thanh toán hàng tháng nào của Bên Vay mà Bên Cho Vay không nhận được đầy đủ và đúng hạn vào ngày thanh toán của kỳ thanh toán được quy định tại Lịch Trả Nợ thì [...] Bên Vay phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả với mức Lãi Suất áp dụng bằng 150% Lãi Suất theo quy định tại Hợp Đồng. Theo đó, lãi suất quá hạn =150% x (38% là lãi suất theo Hợp đồng) là 57%/năm*.

Theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất*. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Công ty của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*. Xét thấy, việc thỏa thuận lãi của các bên là tự nguyện. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, bà Dương Thị Kim S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc và khoản nợ đang chuyển sang quá hạn từ ngày vi phạm.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S buộc bà Dương Thị Kim S phải thanh toán số tiền lãi tính đến ngày ngày 23/9/2025 gồm nợ lãi trong kỳ là 32,424,064 đồng, Nợ lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi là 90,216,619 đồng (78,926,116 đồng + 11,290,503 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Dương Thị Kim S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8,633,169đồng (172,663,383 đồng x 5%). Hoàn trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 299, 320, 324, 357 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 4, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S đối với bị đơn bà Dương Thị Kim S về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Dương Thị Kim S phải trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2025 là 172,663,383 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm tám mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 50,021,157 đồng, lãi trong hạn là 32,424,064 đồng, lãi quá hạn là 78,926,116 đồng đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 11,290,503 đồng.

Bà Dương Thị Kim S phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 100241485 ngày 10/02/2020 và Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay.

2. Về án phí: Bà Dương Thị Kim S phải chịu 8,633,169 đồng (tám triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn một trăm sáu mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S số tiền 3,692,430 đồng (ba triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006715 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà Dương Thị Kim S và vắng

mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa**